

Bản án số: 50/2025/HS-PT
Ngày: 16-4-2025

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phụng

Ông Đặng Văn Nhữ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 170/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024. Do có kháng cáo của người có quyền lợi liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm Car đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- **Bị cáo bị kháng cáo:**

1. **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 25 tháng 8 năm 1993 tại tỉnh Long An. Nơi thường trú: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972; vợ Đỗ Thị Bé H2, sinh năm 1996; con 01 người, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/02/2013, Nguyễn Văn C bị Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 02 tháng 26 ngày, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/4/2024 và đang chấp hành án tại Trại giam T2 thuộc Bộ C1 đặt tại tỉnh Long An, có mặt tại phiên tòa.

2. **Đỗ Đức L**, sinh ngày 03 tháng 9 năm 1992 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi thường trú: Ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Công D, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Hồ Thị T, sinh năm 1964; vợ

Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1994 (đã ly hôn); con 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 09/01/2024, bị tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến ngày 24/7/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (Nhà tạm giữ Công an thị xã H, tỉnh Tây Ninh).

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án có kháng cáo: Công ty TNHH L2.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Trần Nhật L1 - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Số A, đường B, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH L2: Bà Đặng Dương Ngọc N, sinh năm 1999. Địa chỉ: Cao ốc G, số D, đường H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2024 (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH L2: Luật sư Đặng Thanh S – Thành viên Đoàn Luật sư Thành phố H (Vắng mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 03 người có quyền lợi liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10/2023, có một người phụ nữ tên thường gọi là “Tay Ga” (không xác định được nhân thân, lai lịch) gọi điện cho Nguyễn Văn C, gợi ý về việc: Thuê Ca vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu từ khu vực cầu Đ, thuộc ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, đến khu vực huyện C, tỉnh Trà Vinh giao lại, “Tay Ga” sẽ cho số điện thoại người nhận để C liên hệ giao thuốc lá, tiền công vận chuyển mỗi bao (gói) thuốc lá là 700 đồng, mọi chi phí vận chuyển do Ca chịu, tiền công sẽ được thanh toán sau khi đã vận chuyển xong. Do C biết “Tay Ga” nên đồng ý, “Tay G” đọc số điện thoại của người nhận ở Trà Vinh, C sử dụng điện thoại di động của mình bấm lưu tên “Trà Vinh”. Sau đó, “Tay Ga” hẹn khi nào người mua ở Trà Vinh đặt hàng sẽ gọi điện thông báo.

Khoảng 08 giờ ngày 14/11/2023, “Tay Ga” gọi điện thông báo cho C biết “Tôi nay bắt đầu vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu đến Trà Vinh”. Do lúc này Đỗ Đức L không có việc làm, đang ở nhà của C và phụ Ca sơn, sửa xe và chở xe đi giao cho khách hàng, nên C nói với L tôi nay đi giao thuốc lá điều nhập lậu ở tỉnh Trà Vinh, tiền công vận chuyển thuê là 750.000 đồng/chuyến, tiền công sẽ được trả sau khi vận chuyển xong và L đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày, “Tay Ga” gọi điện nói C đến bãi đất trống gần khu vực cầu Đ thuộc ấp D, xã M chờ thuốc lá đến để nhận, C gọi điện thoại báo L điều khiển xe ô tô biển số 51D-909.20 đi từ nhà Ca về hướng Cầu Đ xuống, còn C đi riêng bằng xe mô tô sẽ đón tại điểm nhận thuốc lá. Theo hướng dẫn của C, L dừng xe tại bãi đất trống ven đường, cách cầu Đ khoảng 02km để chờ. Đến khoảng 01 giờ ngày 15/11/2023, có khoảng 03 - 04 người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) đi trên

xe ô tô chở theo các bao tải bên trong đựng thuốc lá điều nhập lậu đến, những người này tự chất thuốc lá lên cốp sau, vị trí băng ghế sau của xe. Sau khi chất thuốc lá lên xe, L gọi điện báo cho C biết, C bảo L lấy biển số giả 70C-126.96 có sẵn trên xe gắn vào và điều khiển xe đi về huyện T, tỉnh Tây Ninh, khi đi hết địa phận huyện T giáp với huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, L thay biển số giả 70C-126.96 bằng biển số giả 61C-656.82. Sau đó, tiếp tục đi về thị trấn H, đi đến huyện B, lên đường Cao tốc đi Tiền Giang, xuống Ngã 3 T, đi về hướng Trà Vinh. Khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, L tiếp tục điều khiển xe đi một mình theo định vị điện thoại, khi còn cách cầu M 2 khoảng 200m, thuộc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, xe ô tô do L điều khiển xảy ra va chạm giao thông với xe ô tô con biển số 84A-092.43 do ông Trầm Thanh Q điều khiển đang lưu thông theo hướng ngược lại. Sau khi gây ra tai nạn, L tiếp tục điều khiển phương tiện đi qua cầu M hướng về tỉnh Trà Vinh đến khu vực Tổ A, ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, L bỏ lại xe ô tô chở thuốc lá, chạy bộ bỏ trốn. L tìm đường ra Q và gọi điện thoại cho C báo sự việc. Ca gọi điện thoại nhờ người quen gần đó đến và đón xe dịch vụ chở L về tỉnh Tây Ninh.

Ngày 01/01/2024, Đỗ Đức L đến Công an xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 09/01/2024, Nguyễn Văn C đến Công an huyện M, tỉnh Bến Tre để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 xe ô tô con hiệu Ford Ranger, màu trắng, biển số: 51D-909.20; 01 thiết bị camera giám sát hành trình hiệu Sony 2K StarvisVietmapkc01; 01 chìa khóa xe ô tô biển số 51D-909.20; 01 băng ghế ngồi (phía sau) của xe ô tô 51D-909.20; 01 vỏ bọc nhựa của vô lăng xe ô tô 51D-909.20; giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô 51D-909.20; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 51D-909.20.

- 01 đôi dép nhựa màu vàng hiệu “Việt Thắng 636”; 01 thẻ ATM ngân hàng V, số thẻ: 9704150106972931; 01 áo thun loại ngắn tay, màu đen, cổ áo và tay có viền màu trắng và màu cam (đã qua sử dụng); 01 nón kết lưới trai màu đen, sọc trắng hiệu “GUCCI”; 01 chai nước lọc hiệu “SATORI”; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng; 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 500 đồng; 01 dây sạc điện thoại màu trắng kết nối với xe ô tô.

Hợp đồng thuê phương tiện số 00953/HĐDV ngày 13/10/2023; Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô biển số 51D-909.20; 01 phiếu chuyển tiền ngân hàng H3; 01 bản phô tô Căn cước công dân tên Đỗ Đức L; 01 đĩa DVD-R chứa nội dung: thể hiện dữ liệu lịch sử hành trình xe biển số 51D – 909.20; 42 trang tài liệu thể hiện việc bị can C thỏa thuận thuê phương tiện; Tờ thỏa thuận dân sự giữa các bên có liên quan; Hình ảnh bản gốc CCCD và giấy phép lái xe Nguyễn Văn C, Đỗ Đức L; hình ảnh Đỗ Đức L đứng cạnh xe trước khi thuê; Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái số 000953/HĐDV ngày 13/10/2023; Bản sao y CCCD tên Trần Ngọc T1; Hợp đồng thuê xe giữa ông Trần Ngọc T1 và Công ty L2; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 190856 biển số 51D-909.20 bản sao y.

- 04 bộ biển số gồm: 70C-126.96; 62C-162.81; 60C-382.56 và 61C-656.82 (mỗi bộ 02 biển);

- 14.399 bao thuốc lá điều nhập lậu, gồm: 7.199 bao hiệu Jet, 5.400 bao hiệu Hero, 1.800 bao hiệu Scott;

- 10 sợi tóc màu đen;

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 10S, màn hình cảm ứng, số IMEI1: 862625052156065/78, số IMEI2: 862625052156073/78, gắn 02 sim, số: 0373777747 và số 0919978002 thu giữ của Đỗ Đức L.

- 01 giấy phép lái xe hạng D, số 720117008251 tên Đỗ Đức L.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Trần Ngọc T1 là chủ xe ô tô biển số 51D-909.20 yêu cầu bên thuê xe là Công ty TNHH L2 (Viết tắt Công ty L2) bồi thường thiệt hại xe ô tô theo báo giá của hãng xe F là 154.876.464 đồng và bồi thường số tiền thuê xe với giá 15.000.000 đồng/tháng từ ngày 15/11/2023 đến thời điểm nhận lại xe ô tô từ Cơ quan Công an.

- Công ty TNHH L2 yêu cầu bên thuê xe là bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường thiệt hại xe ô tô biển số 51D-909.20 theo báo giá của hãng xe F là 154.876.464 đồng và bồi thường số tiền thuê xe với giá 15.000.000 đồng/tháng từ ngày 13/11/2023 đến thời điểm nhận lại xe ô tô từ Cơ quan Công an.

- Nguyễn Văn C chỉ đồng ý bồi thường thiệt hại xe ô tô biển số 51D-909.20 theo bản Kết luận định giá của Hội đồng định giá là 58.895.000 đồng, riêng tiền thuê xe ô tô Nguyễn Văn C chấp hành theo phán quyết của Tòa án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã tuyên xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn C và Đỗ Đức L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Căn cứ: Điểm b khoản 3 Điều 191; Điều 17; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 260; khoản 1 và khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giam (ngày 23 tháng 4 năm 2024).

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức L 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 24 tháng 7 năm 2024).

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Tách phần yêu cầu về trách nhiệm dân sự của Công ty TNHH L2, ông Trần Ngọc T1, bị cáo trong vụ án này ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi Công

ty TNHH L2, ông Trần Ngọc T1, bị cáo có yêu cầu khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự, theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn tiếp tục tạm giam; các biện pháp tư pháp; về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn L2 kháng cáo một phần của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử buộc các bị cáo Nguyễn Văn C và Đỗ Đức L liên đới bồi thường cho Công ty gồm: Chi phí sửa chữa xe ô tô biển số 51D-909.20 là 108.895.000 đồng và trả chi phí thuê xe tạm tính từ ngày bị tạm giữ và sửa chữa tạm tính từ tháng 11/2023 đến tháng 07/2024 là 135.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn L2 trình bày về yêu cầu kháng cáo như sau: Buộc các bị cáo C và L có trách nhiệm bồi thường và hoàn trả với tổng số tiền là 292.318.000 đồng gồm: Tiền sửa chữa xe ô tô biển số 51D-909.20 theo hóa đơn là 68.423.000 đồng, tiền xe bị thiệt hại theo định giá là 58.895.000 đồng và tiền chi phí thuê xe là 165.000.000 đồng.

- Các bị cáo Nguyễn Văn C và Đỗ Đức L khai nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã xét xử và xác định án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo đúng người, đúng tội, nên không kháng cáo. Đối với các yêu cầu kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của người liên quan, trong đó: Bị cáo C không đồng ý toàn bộ kháng cáo; bị cáo L chỉ đồng ý bồi thường thiệt hại đối với ô tô biển số 51D-909.20 theo giá trị thiệt hại đã được định giá, các yêu cầu kháng cáo còn lại không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của Công ty L2 thực hiện đúng quy định của pháp luật, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn C và Đỗ Đức L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội; mức hình phạt, loại hình phạt đã tuyên phạt đối với từng bị cáo là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không có kháng cáo.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi liên quan về trách nhiệm dân sự, xét thấy: Về phần yêu cầu trách nhiệm dân sự của Công ty L2, án sơ thẩm tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự là đúng quy định của pháp luật, nên kháng cáo của Công ty L2 là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người đại diện của người kháng cáo trình bày: Xe ô tô biển số 51D-909.20 do các bị cáo thuê từ Công ty L2 và thiệt hại đối với xe ô tô này xuất phát từ hành vi phạm tội của các bị cáo, theo quy định của pháp luật thì trách nhiệm dân sự phải được giải quyết chung trong một vụ án hình sự. Như vậy, mới đảm bảo được quyền lợi của Công ty L2, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty L2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi liên quan Công ty L2 có Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo của Công ty thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ việc và yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Về nội dung vụ việc: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C và Đỗ Đức L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan cho các bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, vai trò của từng bị cáo, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt như trên đối với từng bị cáo là thỏa đáng. Sau khi xét xử sơ thẩm, về hình phạt các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị, nên không xét đến.

[2.2] Về vụ việc có liên quan và yêu cầu kháng cáo của Công ty L2:

Đối với xe ô tô biển số: 51D-909.20 là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và chủ sở hữu xe là ông Trần Ngọc T1. Ngày 20/9/2023, ông T1 cho Công ty L2 thuê với thời gian 06 tháng (kể từ ngày 20/9/2023). Ngày 13/10/2023, Công ty L2 cho các bị cáo L và C thuê lại. Trong đó, bị cáo L là người ký hợp đồng, còn bị cáo C là người thanh toán tiền thuê xe theo hợp đồng. Sau khi hết hợp đồng thuê ngày 13/11/2023, giữa hai bên tiếp tục muốn ký kết hợp đồng thời gian thêm một tháng, nhưng chưa ký kết. Ngày 15/11/2023, bị cáo L điều khiển phương tiện vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu gây tai nạn, phương tiện bị tạm giữ. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐ ĐGTS ngày 08/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M, tỉnh Bến Tre xác định: Giá trị tài sản bị hư hỏng trên xe ô tô biển số 51D-909.20 tại thời điểm định giá là 58.895.000 đồng. Sau quá trình tạm giữ xe phục vụ công tác điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An đã trả lại xe cho chủ sở hữu.

Công ty L2 yêu cầu bên thuê xe là các bị cáo Nguyễn Văn C và Đỗ Đức L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và trả chi phí thuê xe ô tô biển số 51D-909.20

với tổng số tiền là 292.318.000 đồng, xét thấy: Các yêu cầu về dân sự trong vụ án của Công ty L2 đối với các bị cáo Nguyễn Văn C và Đỗ Đức L có liên quan đến xe ô tô biển số 51D- 909.20; xe này được Công ty L2 cho các bị cáo thuê theo Hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái số 00953/HDDV ngày 13/10/2023 và xe bị thiệt hại do va chạm giao thông với phương tiện khác. Vì vậy, đây là giao dịch dân sự phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng, không liên quan đến vụ án. Hơn nữa, quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả xe cho chủ sở hữu hợp pháp; tại cấp sơ thẩm Công ty L2 chỉ cung cấp được chứng cứ là Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 10/9/2024 của Công ty L2 chỉ thể hiện sửa chữa xe ô tô 51D-909.20 với tổng số tiền thanh toán là 68.423.000 đồng, không nêu cụ thể là sửa chữa đối với thiết bị, linh kiện nào của xe. Vì vậy, khi xét xử vụ án Tòa án cấp sơ thẩm tách các yêu cầu về dân sự của Công ty L2 với các bị cáo để giải quyết bằng vụ án dân sự riêng là có căn cứ, nên kháng cáo của Công ty L2 là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những căn cứ và nhận định trên: Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty L2.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công ty L2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn L2.

Giữ nguyên về giải quyết dân sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Tách phần yêu cầu về trách nhiệm dân sự của Công ty TNHH L2, ông Trần Ngọc T1, bị cáo trong vụ án này ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi Công ty TNHH L2, ông Trần Ngọc T1, bị cáo có yêu cầu khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự, theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn L2 phải chịu 300.000 đồng án phí sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Công an tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Tâm